

## Giải toán lớp 6 tập 1 - bài 104 trang 42 sách giáo khoa

### **Bài 104:**

Điền chữ số vào dấu \* để:

a)  $\overline{5*8}$  chia hết cho 3;

b)  $\overline{6*3}$  chia hết cho 9;

c)  $\overline{43*}$  chia hết cho cả 3 và 5;

d)  $\overline{*81*}$  chia hết cho cả 2, 3, 5, 9. (Trong một số có nhiều dấu \*, các dấu \* không nhất thiết thay bởi các chữ số giống nhau).

### **Đáp án:**

a)  $\overline{5*8}$  chia hết cho 3 thì tổng  $5 + * + 8 = 13 + *$  chia hết cho 3.

Vì  $* \in \{0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9\}$  nên \* nhận các giá trị là: 2; 5; 8

Các số thỏa mãn là: 528; 558; 588

b)  $\overline{6*3}$  chia hết cho 9 thì tổng  $6 + * + 3 = 9 + *$  chia hết cho 9

Vì  $* \in \{0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9\}$  nên \* nhận các giá trị là: 0; 9

Các số thỏa mãn là: 603; 693

c)  $\overline{43*}$  chia hết cho cả 3 và 5

Để số đã cho chia hết cho 5 thì phải điền vào dấu \* chữ số 0 hoặc chữ số 5.

Nếu điền chữ số 0 thì ta được số 430 có tổng các chữ số là  $4 + 3 + 0 = 7$  nên 430 không chia hết cho 3.

Nếu điền chữ số 5 thì ta được số 435 có tổng các chữ số là  $4 + 3 + 5 = 12$  nên 435 chia hết cho 3. Vậy phải điền chữ số 5 vào dấu \*.

d)  $\overline{*81*}$  chia hết cho cả 2, 3, 5, 9

$\overline{*81*}$  chia hết cho 2, 5 nên số đó chia hết cho 10

Để  $\overline{*81*}$  chia hết cho 10 thì chữ số tận cùng là 0; tức là  $\overline{*81*} = \overline{*810}$ .

Để  $\overline{*810}$  chia hết cho 9 thì  $* + 8 + 1 + 0 = * + 9$  phải chia hết cho 9.

Vì \* là chữ số đầu trong số  $\overline{*810}$  nên  $* \neq 0$ , do đó  $* \in \{1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9\}$ . Mà  $* + 9$  phải chia hết cho 9 nên  $* = 9$

Vậy số thỏa mãn yêu cầu bài toán là: 9810.